

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2020/HS-ST

Ngày 23 - 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Anh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Ngọc Nghiêm

Ông: Đào Đình Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HS ngày 12/11/2020 đối với bị cáo:

Lê Văn S, sinh năm 1991 tại tỉnh H. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn) học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc : Kinh; Tôn giáo : Không; Con ông Lê Văn A và bà Trần Thị M; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/4/2014, bị TAND quận 9, thành phố H xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tài sản trộm cắp trị giá 6.000.000đồng). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/6/2014, ngày 23/3/2017 nộp xong 200.000 đồng tiền án phí.

Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 06/9/2020 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Đặng Vương Q, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu P, thị trấn T, huyện T, tỉnh H. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh H. Có mặt.

+ Ông Lê Văn A, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh H. Có mặt.

+ Anh Ngô Văn T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện T, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 02/9/2020, Lê Văn S điều khiển xe máy điện, nhãn hiệu EMOBILE, không gắn biển kiểm soát đi từ nhà ở Thôn K, xã L, huyện T đến Khu P, thị trấn T, huyện T nhằm mục đích tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, S đến chùa Vinh Quang thuộc khu P, thị trấn T, huyện T thì nảy sinh ý định vào trong chùa trộm cắp tài sản. S dựng xe ở cổng chùa, đi bộ vào chùa thắp hương rồi đi ra khu nhà ở 2 tầng của các nhà sư trong chùa. S đi dọc hành lang tầng 1 thì quan sát thấy phòng của anh Đặng Vương Q, sinh năm 1992, HKTT: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh N (đang ở tại chùa), cửa mở, không có người trông coi, bên trong phòng có 1 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 và 1 chiếc ví da màu nâu nhạt của anh Q để ở đầu giường ngủ. S đi vào trong phòng, rút tiền trong ví và cầm điện thoại Iphone 11 của anh Q cất vào túi quần đang mặc. Sau đó, S đi ra cổng chùa lấy xe máy điện đi về thị trấn T. Đi được khoảng 500m, S dừng lại, lấy điện thoại vừa chiếm đoạt được ra tắt nguồn, vứt sim đi, mang tiền vừa lấy được ra đếm thì thấy có 2 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 2 tờ mệnh giá 50.000 đồng rồi điều khiển xe máy điện đến quán điện thoại Đại Thanh, địa chỉ ở số 476 N, thị trấn T của anh Ngô Văn T, sinh ngày 14/11/1980 ở Thôn P, xã L, huyện T, tỉnh H bán chiếc điện thoại Iphone 11 vừa chiếm đoạt được với giá 4.000.000 đồng cho anh Ngô Văn T.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 08/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 đã qua sử dụng trị giá 10.000.000 đồng, chi phí làm lại sim số điện thoại 0339.313.555 là 25.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 59/VKS - HS ngày 02/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Lê Văn S về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh H giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án lệ phí tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 10 tháng tù đến 13 tháng tù, thời gian tính từ ngày bắt tạm giam 06/9/2020.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Đã được xem xét, giải quyết trong quá trình điều tra, do vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, là hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ ngày 02/9/2020, tại phòng của anh Đặng Vương Q ở chùa Vinh Quang thuộc khu P, thị trấn T, huyện T, Lê Văn S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 kèm theo sim trị giá 10.025.000 đồng (gồm cả 25.000 đồng phí làm lại Sim) và số tiền 300.000 đồng của anh Đặng Vương Q. Tổng giá trị tài sản S chiếm đoạt là 10.325.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu là khách thể được luật hình sự bảo vệ.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền để chi tiêu, phục vụ nhu cầu của bản thân nên đã có ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Khi xem xét, quyết định hình phạt, HĐXX thấy:

Bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2014 bị TAND quận 9, thành phố H xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tài sản trộm cắp trị giá 6.000.000 đồng), bị cáo đã chấp hành xong các quyết định của bản án.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin

giảm nhẹ hình phạt, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Như vậy, mặc dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng là người có nhân thân xấu, đã chiếm đoạt các tài sản trị giá 10.325.000 đồng. Ngoài ra, việc bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt không phải bộc phát mà đã có dự tính từ trước. Để giáo dục riêng và phòng ngừa chung có hiệu quả, HĐXX cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập, không có tài sản riêng, hiện đang bị tạm giam nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả bị hại.

Số tiền chiếm đoạt 300.000 đồng, bị cáo đã giao nộp 200.000 đồng. Số tiền còn lại 100.000 đồng, cũng như chi phí làm lại sim 25.000 đồng bị hại tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, cần được HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này.

Đối với anh Ngô Văn T là người mua chiếc điện thoại của bị cáo với số tiền 04 triệu đồng: Quá trình điều tra, anh T đã được trả lại số tiền này, không có yêu cầu bồi thường nào khác, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về vật chứng của vụ án.

Chiếc xe đạp điện bị cáo sử dụng là tài sản hợp pháp của ông Lê Văn A và bà Trần Thị M là bố, mẹ của bị cáo. Ông A bà M không biết bị cáo sử dụng chiếc xe đạp điện đó đi chiếm đoạt tài sản của người khác. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông A, do vậy không đặt ra xem xét, xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Ngô Văn T, người mua chiếc điện thoại của bị cáo nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Ông Lê Văn A chủ sở hữu chiếc xe đạp điện nhưng không biết S sử dụng chiếc xe đó đi chiếm đoạt tài sản của người khác, nên không có căn cứ, xem xét, xử lý đối với anh T, ông A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng của án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. *Về hình phạt:* Xử phạt bị cáo Lê Văn S 10 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/9/2020.

3. *Về trách nhiệm dân sự:*

Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại anh Đặng Vương Q không yêu cầu bị cáo Lê Văn S phải bồi thường số tiền 100.000 đồng và 25.000 đồng (phí làm lại sim điện thoại).

4. *Về án phí:*

Bị cáo Lê Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo:*

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh H;
- Cơ quan CSĐT công an huyện T;
- Cơ quan THAHS tỉnh H;
- Cơ quan THAHS huyện T;
- Chi cục THADS huyện T
- Sở TP tỉnh H
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Tòa; Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lại Anh Vân